

Bản án số: 200/2021/HS-PT
Ngày: 13-4-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hồng Phong

Ông Phạm Trí T

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 550/2020/HSPT ngày 12 tháng 10 năm 2020. Do có kháng cáo của bị cáo Trương Văn T và bị cáo Nguyễn Thanh T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 359/2020/HSST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1/ **Trương Văn T**, sinh năm 1985, tại tỉnh Đồng Nai; thường trú: 369/1/8 P, Phường 14, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ văn hóa: lớp 7/12; Dân tộc Kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn N và bà Đào Thị T; hoàn cảnh gia đình: có vợ tên Phạm Thị Bích T và 01 con sinh năm 2011; Tiền sự: không;

Tiền án:

- Ngày 28/4/2004, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo Bản án số 649/HSST ngày 28/4/2004, chấp hành xong hình phạt ngày 31/5/2004;

- Ngày 28/7/2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 60 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 61/2006/HSPT, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/3/2010, chưa thi hành tiền án phí, tiền phạt và bồi thường dân sự.

Bị cáo bị bắt giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2019 (có mặt)

2/ **Nguyễn Thanh T**; sinh năm 1984, tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: 72A tổ 1, khu phố 2A, phường Đ, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: lớp 8/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2020 (có mặt).

(Trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Thị Diễm H và bị hại bà Hoàng Thị N không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 9/2018, Nguyễn Thị Diễm H quen biết với Trương Văn T thông qua các đối tượng cho vay tiền. H gặp T tại quán cà phê Thạch Thảo trên đường L, quận Gò Vấp, T cho H vay 10.000.000 đồng.

Đến khoảng giữa tháng 10/2018, Trương Văn T và Nguyễn Thanh T (Đô) hẹn H đến quán cà phê G trên đường 59, Phường 14, quận Gò Vấp để lấy tiền lãi. Do không có tiền trả cho T và Nguyễn Duy Thanh (trước đó H vay của Thanh 40.000.000 đồng), nên H bàn với T sẽ viết giấy nợ 200.000.000 đồng, để T đến nhà gặp mẹ của H là bà Hoàng Thị N đòi nợ, lấy được sẽ chia đôi cho H và nhóm của T, thì T và T đồng ý. H viết một giấy vay 50.000.000 đồng và một giấy vay tiền không 150.000.000 đồng, ghi ngày 12/8/2018 và cam kết trả trong 02 tháng rồi đưa cho T giữ.

Ngày 10/11/2018, T và T đi xe gắn máy không nhớ biển số đến nhà bà N, đưa ra 02 tờ giấy nợ mà H đã viết và yêu cầu bà N trả nợ thay cho H. Bà N nói với T đi tìm H mà đòi, nên T và T bỏ đi về, khi về T có để lại số điện thoại của T cho bà N.

Khoảng 01 giờ ngày 11/11/2018, T mang ổ khóa chạy đến khách sạn H, tại địa chỉ số 85 đường số 589, Phường 14, quận G của gia đình bà N khóa cửa ngoài của khách sạn. Đến khoảng 01 giờ ngày 12/11/2018, T chở T đến khách sạn H, tại đây T ném 3 túi nilon mắm tôm vào sân khách sạn rồi bỏ đi.

Sợ ảnh hưởng đến việc kinh doanh, sức khỏe của H và người thân trong gia đình nên sáng ngày 12/11/2018 bà N gọi điện thoại cho T, để T kêu T đến nhà bà trả tiền. T và T đến thì bà N trả trước cho T 100.000.000 đồng, T viết giấy biên nhận đưa cho bà N và đưa lại cho bà N giấy H vay 150.000.000 đồng, bà N viết lại một giấy nợ 50.000.000 đồng ghi ngày 12/11/2018 đưa cho T giữ và hẹn đến ngày 19/11/2018 sẽ trả tiếp 50.000.000 đồng.

Ngày 19/11/2018, T và T đến nhà bà N lấy 50.000.000 đồng, T viết giấy nhận tiền giao cho bà N và bà N hẹn T đến ngày 29/11/2018 sẽ trả tiếp 50.000.000 đồng còn lại.

Đến ngày 29/11/2018, bà N đưa cho T và T 45.000.000 đồng, bà xin bớt 5.000.000 đồng và T viết vào giấy nợ đã nhận đủ tiền.

Sau khi nhận được tổng số tiền 195.000.000 đồng thì T gọi điện thoại nói H đến khu vực ngã tư Ga, Quận 12 gặp T và T đưa cho H 25.000.000 đồng, chia cho T 35.000.000 đồng, trả cho T 40.000.000 đồng (tiền H nợ), số tiền còn lại T giữ.

Tại bản cáo trạng số 296/CT-VKS-P2 ngày 02/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trương Văn T, Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thị Diễm H về tội: “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 359/2020/HS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ vào điểm d, e khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt: Trương Văn T 9 (Chín) năm về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2019.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt: Nguyễn Thanh T 6 (Sáu) năm về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 03/4/2020.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên bị cáo Nguyễn Thị Diễm H 2 (Hai) năm 6 (Sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; tuyên trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 07/9/2020, các bị cáo Trương Văn T và Nguyễn Thanh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Trương Văn T và Nguyễn Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử và đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau: Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo, bị cáo T, T một lần nữa thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Đại diện Viện kiểm sát kết luận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T, T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Hành vi của các bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác mà ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không đưa ra tình tiết, chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên và Thẩm phán trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp đối với cấp sơ thẩm.

[2]. Xuất phát từ việc Nguyễn Thị Diễm H vay Trương Văn T số tiền 10.000.000 đồng và vay Nguyễn Duy T 40.000.000 đồng để tiêu sài cá nhân. Do không có tiền để trả nợ, H cùng Trương Văn T và Nguyễn Thanh T bàn bạc lập hai Giấy nợ, một giấy 50.000.000 đồng và một giấy 150.000.000 đồng để T và T đến đòi nợ mẹ của H là bà Hoàng Thị N trả nợ thay. Ngày 10/11/2018, T và T đến nhà đưa cho bà N 2 giấy vay tiền để đòi tiền.

Do bà N không đồng ý trả nợ thay H nên khoảng 1 giờ ngày 11/11/2018, T chở T đến khách sạn H, địa chỉ số 85 đường số 589, Phường 14, quận G của gia đình bà N khóa cửa ngoài của khách sạn. Đến khoảng 01 giờ ngày 12/11/2018, T chở T đến khách sạn Hoàng Thư, tại đây T ném 3 túi nilon mắm tôm vào sân khách sạn rồi bỏ đi.

Vì sợ ảnh hưởng đến tính mạng của H và công việc kinh doanh của gia đình nên bà N đã liên hệ T, T để trả nợ theo 02 Giấy nợ, tổng số tiền mà bà N đã trả cho T và T là 195.000.000 đồng.

Số tiền chiếm đoạt của bà N các bị cáo chia như sau: H được chia 25.000.000 đồng và thêm 40.000.000 đồng dùng để trả cho Thanh (tiền H nợ Thanh), chia cho T 35.000.000 đồng, còn lại T được 95.000.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Trương Văn T và Nguyễn Thanh T về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 của Bộ luật Hình sự năm 2015, là có căn cứ đúng người, đúng tội. Riêng bị cáo Trương Văn T phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Cấp sơ thẩm đưa ra xét xử bị cáo T với 02 tình tiết định khung theo điểm d, e khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự là đúng tính chất, mức độ hành vi của bị cáo.

[3]. Đơn kháng cáo của các bị cáo nằm trong hạn luật định nên hợp lệ.

[4]. Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo Trương Văn T và Nguyễn Thanh T, Hội đồng xét xử nhận thấy: cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, từ đó xử phạt bị cáo T 9 năm tù, bị cáo T 6 năm tù là thỏa đáng.

Bị cáo T phạm tội với vai trò chủ mưu, tái phạm nguy hiểm. Bị cáo T phạm tội lần đầu với vai trò đồng phạm, tuy nhiên mức hình phạt mà cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo tương xứng với hành vi phạm tội do bị cáo gây ra.

[5]. Tại phiên tòa, các bị cáo không trình bày được tình tiết giảm nhẹ mới để Hội đồng xét xử xem xét. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Mặt khác, để răn đe, giáo dục các bị cáo nói riêng và xã hội nói chung, tình hình đòi nợ kiểu “xã hội đen” bằng mắt tôm, tạt sơn, khóa trái cửa tại Thành phố Hồ Chí Minh đang bùng nổ. Do vậy, cần xét xử các bị cáo mức án nghiêm mới có tác dụng phòng ngừa tội phạm.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Trương Văn T và Nguyễn Thanh T**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào điểm d, e khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Trương Văn T** 09 (chín) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2019.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T** 06 (sáu) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 03/4/2020.

Các bị cáo Trương Văn T và Nguyễn Thanh T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo để bảo đảm thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam công an TP. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Minh